

Số: 33/2020/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 14 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Sơn La

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 514/TTr-STNMT ngày 03 tháng 7 năm 2020; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 273/BC-STP ngày 03 tháng 7 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2024 ban hành kèm theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La. Cụ thể như sau:

1. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.5 huyện Sông Mã ban hành kèm Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La (chi tiết tại Biểu số 01 kèm theo).

2. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.9 huyện Mộc Châu ban hành kèm Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La (chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo).

3. Bổ sung giá đất các vị trí, tuyến đường thuộc Bảng 5.1 thành phố Sơn La ban hành kèm Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Sơn La (*chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo*).

4. Điều chỉnh tên đoạn đường một số vị trí tuyến đường thuộc Bảng 5.1 thành phố Sơn La (*chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo*).

5. Điều chỉnh tên đoạn đường một số vị trí tuyến đường thuộc Bảng 5.7 huyện Mai Sơn (*chi tiết tại Biểu số 05 kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Cục kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**



**BIỂU SỐ 01: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.5 - HUYỆN SÔNG MÃ**

(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)

ĐVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT      | Tuyến đường                                                                                                         | Giá đất bổ sung |          |          |          |          |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|----------|----------|----------|
|          |                                                                                                                     | Vị trí 1        | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 | Vị trí 5 |
|          | <b>ĐẤT Ở NÔNG THÔN</b>                                                                                              |                 |          |          |          |          |
| <b>1</b> | <b>Quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu phía tây Sông Mã - Thị trấn Sông Mã Khu 6 và Khu 9 huyện Sông Mã</b> |                 |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch 16,5 m                                                                                              | 2.800           |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch 11,5 m                                                                                              | 2.400           |          |          |          |          |
| <b>2</b> | <b>Xã Chiềng Khoong</b>                                                                                             |                 |          |          |          |          |
| -        | Từ hết đất nhà Ông Long (tính từ Quốc lộ 4G đi C3) đến hết đất nhà ông Pán                                          | 250             | 150      | 100      | 80       | 60       |
| -        | Từ hết đất nhà Ông Chú (tính từ Quốc lộ 4G đi C5) đến hết đất nhà ông Phát bản Hua Na                               | 250             | 150      | 100      | 80       | 60       |
| <b>3</b> | <b>Xã Chiềng Khương</b>                                                                                             |                 |          |          |          |          |
| -        | Từ hết đất đơn vị C2 đến hết đất nhà ông Đào Tuấn Anh (Bản Khương Tiên)                                             | 400             | 250      | 150      | 80       |          |
| -        | Từ cầu tràn bản Mo đến hết đất bản Huổi Mo (Khu Tái định cư)                                                        | 180             | 140      | 80       | 70       |          |
| -        | Từ hết đất nhà ông Anh Ngát đến nghĩa địa bản Huổi Nhương                                                           | 380             | 250      | 100      | 70       |          |
| -        | Từ cầu bản Híp (nhà ông Pâng) đến hết đất nhà ông Sơn bản Híp                                                       | 250             | 150      | 80       | 70       |          |
| -        | Đường vào khu dân cư dọc theo suối Hải Hậu (Bản Tiên Sơn)                                                           | 250             | 160      | 80       | 70       |          |
| <b>4</b> | <b>Xã Yên Hưng</b>                                                                                                  |                 |          |          |          |          |
| -        | Từ Quốc lộ 12 đến hết đất thao trường xã Yên Hưng                                                                   | 120             | 100      | 80       |          |          |
| <b>5</b> | <b>Xã Mường Lầm</b>                                                                                                 |                 |          |          |          |          |
| -        | Từ ngã ba đến hết đất bản Lầu                                                                                       | 200             | 160      | 120      | 100      | 80       |
| -        | Từ đất bản Phèn giáp đất bản Lầu đến hết đất bản Sàng                                                               | 180             | 140      | 100      | 80       | 60       |





**BIỂU SỐ 02: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.9 - HUYỆN MỘC CHÂU**

(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)

DVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>

| STT | Tuyến đường                                                                                      | Giá đất bổ sung |          |          |          |          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|----------|----------|----------|
|     |                                                                                                  | Vị trí 1        | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 | Vị trí 5 |
|     | <b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>                                                                              |                 |          |          |          |          |
| 1   | <b>Thị trấn Mộc Châu</b>                                                                         |                 |          |          |          |          |
|     | Các tuyến đường nội thị khác                                                                     |                 |          |          |          |          |
| -   | Tuyến đường nội thị thuộc quy hoạch khu dân cư và hồ sinh thái tiểu khu 2                        | 4.000           | 2.000    | 1.000    | 800      | 500      |
| 2   | <b>Thị trấn nông trường Mộc Châu</b>                                                             |                 |          |          |          |          |
| 2.1 | Đường nối với đường Hoàng Quốc Việt                                                              |                 |          |          |          |          |
|     | Từ Quốc lộ 6 ngoài phạm vi 20m đến hết thửa đất nhà Cường The (công chính Khách sạn Mường Thanh) | 6.000           | 4.500    | 2.160    | 1.140    | 1.000    |
| 2.2 | <b>Các tuyến đường nội thị khác</b>                                                              |                 |          |          |          |          |
| -   | Từ Quốc lộ 43 ngoài phạm vi 20m đến hết đất nhà Thực Mai, tiểu khu Nhà Nghi                      | 1.500           | 1.125    | 780      | 360      | 240      |
| -   | Từ đường Tỉnh lộ 104 ngoài phạm vi 20m đến công Trạm Ra đa, tiểu khu 84/85                       | 940             | 560      | 420      | 280      | 190      |





**BIỂU SỐ 03: BỔ SUNG GIÁ ĐẤT CÁC VỊ TRÍ, TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)*

*ĐVT: 1000 đồng/m<sup>2</sup>*

| STT      | Tuyến đường                                                                                                                                         | Giá đất  |          |          |          |          |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
|          |                                                                                                                                                     | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 | Vị trí 5 |
| <b>I</b> | <b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>                                                                                                                                 |          |          |          |          |          |
| <b>1</b> | <b>Khu quy hoạch công viên 26-10</b>                                                                                                                |          |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch 17 m trở lên                                                                                                                        | 13.200   |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch 9 m                                                                                                                                 | 9.900    |          |          |          |          |
| <b>2</b> | <b>Đường giao thông 2A, 2B, 2C Khu quy hoạch dân cư OC-01 và OC-04</b>                                                                              |          |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch rộng 38 m                                                                                                                           | 17.000   |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch rộng 9 m                                                                                                                            | 12.000   | 7.500    |          |          |          |
| <b>3</b> | <b>Khu dân cư mới đường Chu Văn An, thành phố Sơn La</b>                                                                                            |          |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch rộng 30 m                                                                                                                           | 5.400    |          |          |          |          |
| -        | Đường quy hoạch rộng 11,5 m                                                                                                                         | 3.360    |          |          |          |          |
| <b>4</b> | <b>Đoạn từ ngã 3 Mai Sơn (giao đường Hùng Vương) đến hết địa phận thành phố theo hướng đi huyện Sông Mã (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở)</b> | 8.000    | 4.800    | 3.600    | 2.400    | 1.600    |
| <b>5</b> | <b>Từ ngã ba hướng đi bản Khoang đến khu vực quy hoạch Nghĩa trang nhân dân thành phố Sơn La</b>                                                    | 1.500    | 700      | 400      | 220      | 190      |





**BIỂU SỐ 04: ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG THUỘC BẢNG 5.1 - THÀNH PHỐ SƠN LA**

*(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)*

| STT          | Tên theo Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh                                                                                                             | Tên sau điều chỉnh                                                                                                                                                                                       |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b>     | <b>ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ</b>                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                          |
| <b>37</b>    | <b>Đường Lê Quý Đôn</b>                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                          |
| -            | Đoạn từ ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến nhà Phiến Hường                                                                                                            | Đoạn từ ngã ba giao đường Lê Duẩn (Quốc lộ 6 mới) đến nhà Phiến Phường                                                                                                                                   |
| -            | Đoạn từ nhà Phiến Hường đến hết địa phận thành phố                                                                                                                               | Đoạn từ nhà Phiến Phường đến hết địa phận thành phố                                                                                                                                                      |
| <b>43.12</b> | <b>Khu quy hoạch dân cư Đồi Châu, tổ 9, phường Chiềng Lè</b>                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                          |
| -            | Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9, phường Chiềng Lè ( trừ vị trí của đường Tô Hiệu).                    | Đường quy hoạch rộng 7,5 m: Đoạn từ giáp đường Tô Hiệu đến đường quy hoạch 5,0 m giáp với nhà văn hóa tổ 9 <b>cũ</b> , phường Chiềng Lè (trừ vị trí của đường Tô Hiệu).                                  |
| <b>B</b>     | <b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                          |
| <b>VII</b>   | <b>Các tổ, bản thuộc phường có điều kiện như nông thôn</b>                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                          |
| <b>1</b>     | Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Mạ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên) | Các đường nhánh thuộc tổ, bản: tổ 7, tổ 9, tổ 10, tổ 11, tổ 14, tổ 15, tổ 17, bản Cang, bản Ban, bản Thảm Mạ, bản Phung, bản Hợ, phường Chiềng Sinh (trừ các tuyến đường đã quy định giá ở các mục trên) |





**BIỂU SỐ 05: ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG TẠI MỘT SỐ VỊ TRÍ TUYẾN ĐƯỜNG  
THUỘC BẢNG 5.7 - HUYỆN MAI SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Sơn La)*

| STT | Tên theo Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND<br>ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh                                    | Tên sau điều chỉnh                                                                                  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | ĐẤT Ở ĐÔ THỊ                                                                                               |                                                                                                     |
| III | Đường nhánh                                                                                                |                                                                                                     |
| 8   | Đường Hoa Ban                                                                                              | Đường Hoa Ban                                                                                       |
| -   | Từ ngã ba đường 110 + 60 m đi qua tiểu khu<br>19, 20 đoạn tiểu khu 21 đến hết địa phận thị<br>trấn Hát Lót | Từ ngã ba đường 110 + 60 m đi qua tiểu khu<br>19, 20, 21 đến Trường mầm non Tô hiệu<br>(Tiểu khu 2) |

